

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2021/HNGĐ-ST
Ngày 29-07-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Công Tôn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Toan

Bà Nguyễn Thị Bắc

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quang Ân-Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Cao Thảo Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 07 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021, về tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hồ Quý L, sinh năm 1996; địa chỉ: Số nhà 109/16 đường P, tổ 07 phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. *Có mặt*

- *Bị đơn:* Anh Võ Uy D, sinh năm 1994; địa chỉ: Số nhà 58 đường C, tổ 03 phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12-3-2021; bản tự khai ngày 19-3-2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Hồ Quý L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Võ Uy D tự nguyện tìm hiểu và đã được gia đình hai bên đồng ý đi đến hôn nhân và tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, đăng ký kết hôn ngày 29 tháng 10 năm 2014 tại Ủy ban Nhân dân phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Giấy chứng nhận kết hôn số 92/2014, ngày 29/10/2014). Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian ngắn, sau đó vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng chị có quá nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong việc làm ăn. Vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, không có sự tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau. Từ đó, mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng và tình cảm vợ chồng ngày càng mất dần, không

còn hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau cho đến nay đã được 18 tháng, không còn ai quan tâm gì đến cuộc sống của nhau, nếu tiếp tục chung sống cũng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Võ Uy D.

Về nuôi con chung: Chị và anh Võ Uy D có 02 con chung là cháu Võ Hồ Nguyên T, sinh ngày 15-6-2014 và cháu Võ Hồ L1, sinh ngày 02-12-2016. Hiện cả hai cháu đều đang sống chung với chị nên khi ly hôn chị yêu cầu Tòa án giao cả hai con chung cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con thành niên và tự lập được. Chị yêu cầu anh Võ Uy D cấp dưỡng nuôi cả hai con với số tiền 2.000.000 đồng/cháu/tháng cho đến khi mỗi con thành niên và tự lập được.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh Võ Uy D và yêu cầu được nuôi hai con chung sau khi ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con, trước đây chị có yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng, tuy nhiên chị thấy khả năng thực tế cũng như thu nhập của anh D không ổn định, nên chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết tài sản chung và nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục triệu tập hợp lệ bị đơn anh Võ Uy D đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, nhưng bị đơn đều vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải, cũng như tại phiên tòa hôm nay và đều không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nên bị đơn không có bản khai tại hồ sơ, lời khai tại phiên tòa.

Biên bản xác minh ngày 23-3-2021 tại tổ 03 phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai thể hiện: Anh Võ Uy D, sinh năm 1994, có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại số nhà 59, đường C, tổ 03 phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Hiện nay anh vẫn đang sinh sống cùng cha mẹ tại địa chỉ này và chưa chuyển đi nơi nào khác để sinh sống. Về mâu thuẫn giữa vợ chồng chị L anh D địa phương không biết cụ thể, là vì họ không báo, chỉ biết được hiện nay chị L anh D đang sống ly thân với nhau. Về nghề nghiệp của anh D, thì địa phương không biết cụ thể vì anh D không cung cấp thông tin nên không xác định được mức thu nhập bình quân của anh D, địa phương chỉ biết được anh D làm công việc tự do, không ổn định.

Tại biên bản làm việc ngày 16-6-2021, cháu Võ Hồ Nguyên T có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ khi bố mẹ ly hôn, vì lâu nay đều ở với mẹ và được mẹ chăm sóc tốt cũng như đảm bảo việc học tập hiện nay.

Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn chấp hành chưa đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 227, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014,

Đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Quý L được ly hôn với anh Võ Uy D.
2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Võ Hồ Nguyên T, sinh ngày 15-6-2014 và cháu Võ Hồ L1, sinh ngày 02-12-2016 cho chị Hồ Quý L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Tại phiên tòa chị L không yêu cầu, xét thấy việc không yêu của nguyên đơn là tự nguyện, nên cần ghi nhận.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu nên không xem xét.

Căn cứ Điều 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Hồ Quý L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Pleiku giải quyết ly hôn đối với anh Võ Uy D, có nơi cư trú tại phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Võ Uy D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Võ Uy D theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Quý L và anh Võ Uy D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 29-10-2014. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Hồ Quý L và anh Võ Uy D là hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa chị L và anh D phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong việc làm ăn. Vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, không có sự tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau, tính tình không hợp nhau đã được gia đình hòa giải nhưng không thể hàn gắn được. Hiện nay chị và anh D vẫn sống ly thân, bỏ mặc nhau không còn quan tâm đến nhau, người nào chỉ biết bốn phận người đó.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, anh D được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị L xin ly hôn anh và yêu cầu được quyền nuôi con chung, nhưng anh D không đến thực hiện quyền của mình, điều này thể hiện anh D không quan tâm, bỏ mặc không mong muốn níu kéo, hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này. Qua xác minh tại tổ 03, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai thì địa phương chỉ biết hiện nay vợ chồng anh D, chị L đang sống ly thân với nhau. Thực tế chị L đã chuyển đi nơi khác sinh sống, giữa chị anh D hiện nay vẫn tiếp tục sống ly thân không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, quan tâm đến nhau.

[5] Tại phiên tòa hôm nay chị L xác định tình cảm của chị đối với anh D không còn yêu thương, quý trọng nhau nữa, nên chị yêu cầu ly hôn với anh Võ Uy D. Do đó, Tòa án có cơ sở khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Hồ Quý L và anh Võ Uy D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L với anh Võ Uy D theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về nuôi con chung: Chị và anh Võ Uy D có 02 con chung là cháu Võ Hồ Nguyên T, sinh ngày 15-6-2014 và cháu Võ Hồ L1, sinh ngày 02-12-2016. Hiện cả 02 cháu chung sống cùng với chị tại số nhà 109/16 đường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu Võ Hồ Nguyên T và cháu Võ Hồ L1 cho đến khi các con thành niên và tự lập được. Do anh D vắng mặt không tham gia tố tụng, không có bản khai nộp cho Tòa án và không có ý kiến gì thể hiện nguyện vọng việc nuôi con chung nên Tòa án không có cơ sở xem xét. Xét thấy, trong thời gian các con của chị L sống chung với chị được chị chăm sóc nuôi dưỡng, đảm bảo phát triển tốt về mọi mặt, cháu Võ Hồ Nguyên T có nguyện vọng được sống chung với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn, do đó chị L có đủ điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con, nên chị L yêu cầu giao 02 cháu Võ Hồ Nguyên T và cháu Võ Hồ L1 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa chị L khai trước đây chị có yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng, nay chị thấy rằng anh D thu nhập không ổn định, hiện tại chị có công ăn việc làm bình thường, có thu nhập cùng với sự trợ giúp của mẹ chị nên có đủ điều kiện nuôi dạy hai con, do đó chị không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy việc nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện và việc thay đổi yêu cầu không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Chị Hồ Quý L là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Quý L.

1. *Về hôn nhân:* Cho chị Hồ Quý L ly hôn anh Võ Uy D.

2. *Về nuôi con chung:*

Giao 02 con chung là cháu Võ Hồ Nguyên T, sinh ngày 15-6-2014 và cháu Võ Hồ L1, sinh ngày 02-12-2016 cho chị Hồ Quý L trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về án phí:*

Chị Hồ Quý L phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0012305 ngày 19/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Chị Hồ Quý L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Pleiku;
- Chi cục THADS TP.Pleiku;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- UBND phường H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phan Công Tồn

